

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **294** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **12** tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024
huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc
hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy
hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và
nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều thi hành của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm
2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đắk Nông cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của UBND huyện Cư Jút tại Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 40/TTr-STNMT ngày 05 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch: (Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo).
2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024: (Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo).
3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024: (Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo).
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024: (Chi tiết theo Phụ lục IV kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này UBND huyện Cư Jút có trách nhiệm

1. Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất, chặt chẽ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện Cư Jút.

2. Xác định vị trí, ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất (đất có rừng tự nhiên) cần bảo vệ nghiêm ngặt; điều tiết phân bổ nguồn lực, trước hết là nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng; có biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người trồng lúa yên tâm sản xuất; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các khu vực.

3. Thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, tuân thủ đúng các quy định



pháp luật có liên quan và đảm bảo theo các chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất.

4. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Quản lý, sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất, nhất là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất để tập trung cho phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển dịch vụ, đô thị để tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước; đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục tình trạng bỏ hoang hóa đất đã giao, cho thuê. Tô chức quản lý, giám sát chặt chẽ quỹ đất được quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm đối với trường hợp sử dụng đất vi phạm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo quy định của pháp luật đất đai và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

7. Đối với các vị trí, công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cư Jút phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt nhưng chưa thống nhất với Quy hoạch chung đô thị Cư Jút, UBND huyện Cư Jút có trách nhiệm cập nhật các quy hoạch chi tiết trong quá trình thực hiện điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Cư Jút đến năm 2030 huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông trước khi thực hiện.

8. Đối với các vị trí, công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Cư Jút đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500. Tuy nhiên, trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 mới chỉ phân bổ chỉ tiêu và cập nhật ranh giới khu chức năng, chưa bố trí cụ thể từng loại đất trên bản đồ quy hoạch theo quy hoạch chi tiết. UBND huyện Cư Jút có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 để cập nhật vào làm cơ sở đưa vào kế hoạch sử dụng đất trước khi thực hiện.

9. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

10. Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của địa phương gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.



Điều 3. Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm các huyện, thành phố Gia Nghĩa, UBND huyện Cư Jút và Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh đối với các nội dung đề xuất tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cư Jút; Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy Cư Jút;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, NNTNMT_(LV).

6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

ĐẢNG
CỘNG SẢN
VIỆT NAM

PHỤ LỤC I

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN CƯ JÚT, ĐẮK NÔNG

(Quyết định số 294 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc							
				Thị trấn Ea T'linh	Xã Đăk Wil	Xã Ea Pô	Xã Nam Dong	Xã Đăk Rông	Xã Tâm Thắng	Xã Cư K'nia	Xã Trúc Sơn
1	2	3	4=5+...+12	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Loại đất		72.333,10	2.267,88	42.032,24	9.484,43	4.373,08	6.031,39	2.147,35	3.216,37	2.780,37
1	Đất nông nghiệp	NNP	66.828,99	1.693,69	41.181,05	8.039,25	3.885,60	5.427,21	1.459,64	2.709,39	2.433,16
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	553,16	70,13	35,88	88,43	136,98	68,04	63,59	58,58	31,53
1.8	Đất làm muối	LMU									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	631,61	12,35	34,02	242,61	57,94	147,41	11,83	108,07	17,39
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.403,00	574,19	830,33	1.371,41	487,48	597,70	687,71	506,98	347,21
2.1	Đất quốc phòng	CQP	44,72	9,79	10,49		0,08	15,94	5,41	0,88	2,13
2.2	Đất an ninh	CAN	4,45	2,77	0,16	0,64		0,24	0,20	0,17	0,26
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	176,90						176,90		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN									
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	40,59	7,23	0,75	10,51	4,18	0,44	6,75	0,14	10,59
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	61,63	8,55			7,10		5,14	28,19	12,66
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	50,02					50,02			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	198,90	38,57		24,19		6,30		52,26	77,59
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.055,77	283,65	384,09	1.056,28	261,44	325,57	284,47	332,87	127,40
-	Đất giao thông	DGT	1.437,59	180,44	337,48	231,15	179,09	174,38	124,00	114,04	97,00
-	Đất thủy lợi	DTL	414,50	7,94	23,22	10,02	45,24	115,76	9,74	176,08	26,51
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,62	2,51	0,16		0,09	2,27		0,39	0,20
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,97	9,09	0,27	0,13	0,70	0,21	0,29	0,05	0,23
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,14	5,75	5,48	4,12	6,81	9,97	15,76	5,16	1,10
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,35	2,54	0,93	2,37	1,10	0,74	1,12	2,51	0,02
-	Đất công trình năng lượng	DNL	979,84	62,88		795,18	0,43	0,04	120,19	0,18	0,95
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,40	0,17	0,05	0,03	0,05	0,03		0,07	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc							
				Thị trấn Ea T'linh	Xã Đăk Wil	Xã Ea Pô	Xã Nam Dong	Xã Đăk Rông	Xã Tâm Thắng	Xã Cư K'nia	Xã Trúc Sơn
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	176,90						176,90		
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	1.029,25	648,79			380,46				
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	40,59	7,23	0,75	10,51	4,18	0,44	6,75	0,14	10,59
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV									
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	8.341,01		218,92	1.422,59	536,78	2.483,03	1.307,35	1.268,37	1.103,97
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON									

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN HUYỆN CỬ JÚT

(Quyết định số 294 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc							
				Thị trấn Ea T'Linh	Xã Đắk Wil	Xã Ea Pô	Xã Nam Dong	Xã Đắk Rông	Xã Tâm Thắng	Xã Cư K'nia	Xã Trúc Sơn
1	2	3	4=5+...+12	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	226,56	32,36	1,86	21,69	30,18	12,74	6,76	64,34	56,63
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	222,35	31,36	1,86	21,59	28,86	12,65	6,40	63,92	55,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	5,53	2,04		0,49	0,56	0,23	0,12	0,33	1,76
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>1,19</i>				0,02				1,17
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	44,04	7,13	1,18	5,02	5,09	2,03	2,31	8,26	13,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	171,59	22,19	0,68	16,08	23,19	10,39	3,97	55,33	39,76
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-								
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	4,57	0,17		0,10	1,34	0,09	0,36	0,42	2,09
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,83	0,83							
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp										
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-								
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-								
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-								
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-								

/

17/03/2024

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

(Quyết định số 294 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc							
				Thị trấn Ea T'linh	Xã Đăk Wil	Xã Ea Pô	Xã Nam Dong	Xã Đăk Rông	Xã Tâm Thắng	Xã Cư K'nia	Xã Trúc Sơn
1	2	3	4=5+...+12	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đất nông nghiệp	NNP	60,47	15,92	0,52	3,66	23,90		3,51	9,19	3,77
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,98	1,60			0,14			0,07	1,17
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1,19</i>				0,02				1,17
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	9,53	2,00	0,09	0,95	3,84		1,12	0,73	0,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	45,95	11,81	0,43	2,71	18,66		2,35	8,29	1,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,01	0,51			1,26		0,04	0,10	0,10
1.8	Đất làm muối	LMU	-								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-								
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,34			0,45	0,26				1,05
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-								
2.2	Đất an ninh	CAN	-								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-								
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-								
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-								
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,07			0,02					1,05
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,02			0,01	0,01				

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2024 CỦA HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

(Quyết định số 294 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc							
				Thị trấn Ea T'linh	Xã Đăk Wil	Xã Ea Pô	Xã Nam Dong	Xã Đăk Rông	Xã Tâm Thắng	Xã Cư K'nia	Xã Trúc Sơn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp	NNP									
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-								
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-								
1.8	Đất làm muối	LMU	-								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-								
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,04			0,04					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-								
2.2	Đất an ninh	CAN	-								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-								
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-								
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-								
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,04			0,04					
-	Đất giao thông	DGT	0,04			0,04					
-	Đất thủy lợi	DTL	-								



